

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24-02-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyện.

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã ĐM, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2021, đơn xin vắng mặt ngày 02/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1989 và đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm không còn, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 02 con chung tên Phạm Thái C, sinh năm 1990 và Phạm Mộng C, sinh năm 1992. Hiện nay các con

đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung chị xác định vợ chồng tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 02/02/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị T tổ chức lễ thành hôn theo phong tục tập quán và chung sống như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian gần đây vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng về quan hệ tình cảm, công việc trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi nhau và sống ly thân từ tháng 01/2021. Nay anh xác định đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất chị T trình bày trên là đúng và đồng ý với yêu cầu chị T đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh H vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H cùng xác định bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục tập quán và cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; thời gian gần đây anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tận tình ly hôn với nhau cần được công nhận. Tuy nhiên, anh chị tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của anh chị, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Thái C, sinh năm 1990 và Phạm Mộng C, sinh năm 1992. Hiện các con đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H là vợ chồng.

2. Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007548 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển T, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên